

Máy đo nhiệt độ (1 kênh)

testo 925 – Máy đo nhiệt độ, kết nối với App, đầu đo TC loại K

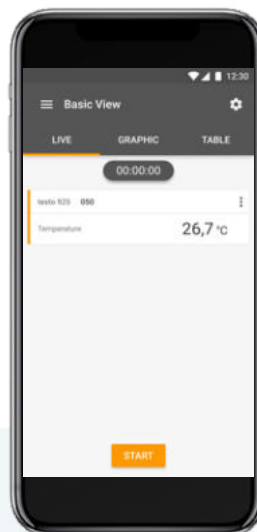
Đo nhiệt độ nhanh chóng, dễ dàng, chính xác với đầu đo cặp nhiệt điện TC loại K (1x TC loại K bao gồm trong phụ kiện)

Cấu hình nhanh chóng, lưu trữ và hiển thị dữ liệu dạng biểu đồ hoặc bảng ngay trên testo Smart App

Phạm vi ứng dụng rộng rãi nhờ dải đo nhiệt độ rộng từ -50 °C đến 1000 °C

Có nhiều tùy chọn đầu đo có sẵn và tương thích với các cảm biến TC loại K có bán trên thị trường

Cảnh báo âm thanh khi giá trị đo vượt ngưỡng



Bluetooth 5.0
+ App



testo Smart App
(Tải về miễn phí)



Nhiệt độ là thông số cần được đo lường thường xuyên, thậm chí phải đo lường hàng ngày. Chất lượng của sản phẩm, quy trình hoặc nguyên liệu thô, cũng như hiệu quả của các nhà máy đều phụ thuộc vào nó.

Việc trang bị cho mình một dụng cụ đo nhỏ gọn để đo nhiệt độ như testo 925 là điều cần thiết. Nó sẽ cho bạn biết những gì bạn cần biết một cách đơn giản, nhanh chóng và chính xác. testo 925 ấn tượng không chỉ bởi dải đo rộng (-50 đến +1000 °C), khả năng xử lý, độ bền, mà còn được hỗ trợ tối ưu bởi ứng dụng testo Smart App trên điện thoại hoặc máy tính bảng.

Ngoài một đầu đo cặp nhiệt điện TC loại K đi kèm trong bộ phụ kiện. testo 925 cũng tương thích với các đầu đo TC loại K khác có bán trên thị trường.

Ứng dụng testo Smart App hỗ trợ trong việc:


- Cấu hình dụng cụ đo
- Hiển thị dữ liệu đo dưới dạng biểu đồ hoặc bảng
- Lưu dữ liệu đo lường
- Quản lý khách hàng và điểm đo
- Tải liệu tại chỗ
- Gửi báo cáo đo lường trực tiếp bằng Email

Mã đặt hàng / Thông số kỹ thuật / Phụ kiện

testo 925

testo 925, máy đo nhiệt độ 1 kênh (TC loại K), kết nối với App và cảnh báo âm thanh, cung cấp bao gồm túi đựng, 1 đầu đo TC loại K, giấy test xuất xưởng và 3 pin AA

Mã đặt hàng. 0563 0925



* Đầu đo linh hoạt và đáp ứng nhanh (TC loại K, Class 1), cáp có vỏ bọc bằng lụa thủy tinh (cáp dài 800 mm)

TopSafe

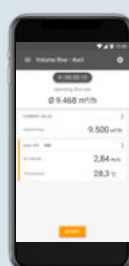
TopSafe, bảo vệ khỏi va đập và bụi bẩn, với nam châm dính kèm ở mặt lưng

Mã đặt hàng. 0516 0224




Loại cảm biến	TC loại K
Dải đo	-50 đến +1000 °C
Độ chính xác ±1 chữ số	±(0,5 °C + 0,3% giá trị đo) (-50 đến +1000 °C)
Độ phân giải	0,1 °C (-50 đến +499,9 °C) 1 °C (dải đo còn lại)
Thông số kỹ thuật chung	
Nhiệt độ vận hành	-20 đến +50 °C
Nhiệt độ bảo quản	-20 đến +50 °C
Loại pin	3 x AA
Thời lượng pin	150 h
Kích thước	135 x 60 x 28 mm
Cân nặng	188 g
Cấp bảo vệ	IP40 với TopSafe: IP65
Vật liệu cấu tạo	ABS + PC / TPE

Phụ kiện	Mã đặt hàng
TopSafe, vỏ bảo vệ chống va đập và bụi bẩn, với nam châm dính kèm	0516 0224
Máy in testo Bluetooth®, bao gồm: 1 cuộn giấy in nhiệt, pin và bộ nguồn	0554 0621
Giấy in nhiệt dự phòng cho máy in (6 cuộn)	0554 0568
Giấy chứng nhận hiệu chuẩn nhiệt độ ISO, cho đầu đo nhúng/không khí, điểm hiệu chuẩn -18 °C; 0°C; +60°C	0520 0001
Giấy chứng nhận hiệu chuẩn nhiệt độ ISO (chỉ có giá trị đối với đầu đo dạng nhúng/đâm xuyên 0602 2693) Dụng cụ đo với đầu đo nhúng/không khí, điểm hiệu chuẩn 0 °C; +150°C; +300°C	0520 0021
Giấy chứng nhận hiệu chuẩn nhiệt độ ISO cho dụng cụ đo với đầu đo nhúng/không khí, điểm hiệu chuẩn 0 °C; +300°C; +600°C	0520 0031
Giấy chứng nhận hiệu chuẩn nhiệt độ ISO cho dụng cụ đo với đầu đo bề mặt, điểm hiệu chuẩn +60 °C; +120°C; +180°C	0520 0071
Giấy chứng nhận hiệu chuẩn nhiệt độ DAkKS cho dụng cụ đo với đầu đo nhúng/không khí, điểm hiệu chuẩn -20 °C; 0°C; +60°C	0520 0211
Giấy chứng nhận hiệu chuẩn nhiệt độ DAkKS cho cảm biến nhiệt độ bề mặt, điểm hiệu chuẩn +100 °C; +200°C; +300°C	0520 0271



Ứng dụng testo Smart App

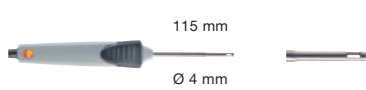

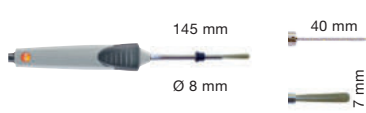
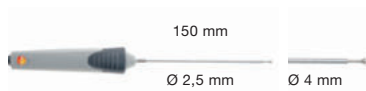
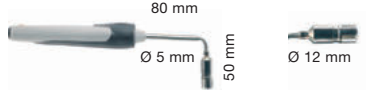




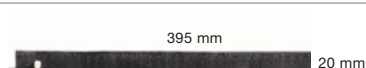


- Nhanh chóng, đơn giản: Menu đo lường cho nhiều ứng dụng khác nhau, hỗ trợ tối ưu trong việc cấu hình và thực hiện phép đo
- Dữ liệu đo được hiển thị dưới dạng biểu đồ hoặc bảng giúp đánh giá và phân tích nhanh chóng
- Tạo báo cáo đo lường kỹ thuật số bao gồm ảnh dưới dạng tệp PDF/CSV ngay trên trang và gửi chúng trực tiếp qua e-mail



Tải về miễn phí
cho Android hoặc iOS



Đầu đo nhiệt độ

Loại đầu đo	Kích thước	Dài đo	Độ chính xác	Thời gian đáp ứng	Mã đặt hàng
Đầu đo không khí bền bỉ, TC loại K, cáp cố định	 115 mm Ø 4 mm	-60 đến +400 °C	Class 2 ¹⁾	200 giây	0602 1793
Đầu đo bề mặt thời gian đáp ứng nhanh với dải cặp nhiệt điện dạng lò xo, thích hợp cho các bề mặt không bằng phẳng, có thể thực hiện phép đo nhanh lên đến +500 °C, TC loại K, cáp cố định	 115 mm Ø 5 mm Ø 12 mm	-60 đến +300 °C	Class 2 ¹⁾	3 giây	0602 0393
Đầu đo bề mặt dạng má chèo, thời gian đáp ứng nhanh, để đo ở những nơi khó tiếp cận, ví dụ: khe hở và vết nứt hẹp, TC loại K, cáp cố định	 145 mm Ø 8 mm Ø 7 mm	0 đến +300 °C	Class 2 ¹⁾	5 giây	0602 0193
Đầu đo bề mặt chính xác, kín nước với đầu đo nhỏ, phù hợp cho các bề mặt bằng phẳng, TC loại K, cáp cố định	 150 mm Ø 2,5 mm Ø 4 mm	-60 đến +1000 °C	Class 1 ¹⁾	20 giây	0602 0693
Đầu đo bề mặt, thời gian đáp ứng rất nhanh với dải cặp nhiệt điện lò xo, phù hợp cho các bề mặt không bằng phẳng, phép đo nhanh lên đến +500 °C, TC loại K, cáp cố định	 80 mm Ø 5 mm 50 mm Ø 12 mm	-60 đến +300 °C	Class 2 ¹⁾	3 giây	0602 0993
Đầu đo nhiệt độ bề mặt TC loại K, với ống tele tích hợp có thể kéo dài tối đa đến 985 mm, để đo ở những vị trí khó tiếp cận, cáp cố định 1,6 m	 985 ±5 mm 12 mm Ø 25 mm	-50 đến +250 °C	Class 2 ¹⁾	3 giây	0602 2394
Đầu đo tích hợp nam châm, lực hút khoảng 20 N, để đo trên bề mặt kim loại, TC loại K, cáp cố định	 35 mm Ø 20 mm	-50 đến +170 °C	Class 2 ¹⁾	150 giây	0602 4792
Đầu đo tích hợp nam châm, lực hút khoảng 10 N, dùng cho ứng dụng yêu cầu nhiệt độ cao hơn, để đo trên bề mặt kim loại, TC loại K, cáp cố định	 75 mm Ø 21 mm	-50 đến +400 °C	Class 2 ¹⁾		0602 4892
Đầu đo bề mặt kín nước cho các bề mặt bằng phẳng, TC loại K, cáp cố định	 115 mm Ø 5 mm Ø 6 mm	-60 đến +400 °C	Class 2 ¹⁾	30 giây	0602 1993
Đầu đo bọc ống với dải Velcro, để đo nhiệt độ trên các đường ống có đường kính tối đa 120 mm, Tmax +120 °C, TC loại K, cáp cố định	 395 mm 20 mm	-50 đến +120 °C	Class 1 ¹⁾	90 giây	0628 0020
Đầu đo dạng kẹp cho đường ống có đường kính ống từ 5 đến 65 mm, đầu đo có thể hoán đổi cho nhau, có thể thực hiện phép đo nhanh lên đến +280 °C, TC loại K, cáp cố định	 35 mm 15 mm	-60 đến +130 °C	Class 2 ¹⁾	5 giây	0602 4592
Đầu cắm thay thế cho đầu dò bọc ống, TC loại K	 35 mm 15 mm	-60 đến +130 °C	Class 2 ¹⁾	5 giây	0602 0092

¹⁾ Theo tiêu chuẩn EN 60584-1, độ chính xác của Class 1: từ -40 đến +1000 °C (Loại K), Class 2: từ -40 đến +1200 °C (Loại K) và Class 3: từ -200 đến +40 °C (Loại K). Một đầu đo chỉ tuân thủ một cấp chính xác.

Đầu đo nhiệt độ

Loại đầu đo	Kích thước	Dài đo	Độ chính xác	t ₉₉	Mã đặt hàng
Kẹp đo nhiệt độ đường ống có đường kính từ 15 đến 25 mm (tối đa 1"), thực hiện các phép đo nhanh lên đến +130 °C, TC loại K, cấp cố định		-50 đến +100 °C	Class 2 ¹⁾	5 giây	0602 4692
Đầu đo dạng nhúng chính xác, nhanh, linh hoạt, kín nước, TC loại K, cấp cố định	 Ø 1,5 mm 300 mm	-60 đến +1000 °C	Class 1 ¹⁾	2 giây	0602 0593
Đầu đo dạng nhúng/đâm xuyên siêu nhanh, kín nước, TC loại K, cấp cố định	 60 mm 14 mm Ø 5 mm Ø 1,5 mm	-60 đến +800 °C	Class 1 ¹⁾	3 giây	0602 2693
Đầu đo dạng nhúng, linh hoạt, TC loại K	 Ø 1,5 mm 500 mm	-40 đến +1000 °C	Class 1 ¹⁾	5 giây	0602 5792
Đầu đo dạng nhúng, linh hoạt, TC loại K	 Ø 1,5 mm 500 mm	-200 đến +40 °C	Class 3 ¹⁾	5 giây	0602 5793
Đầu đo dạng nhúng, linh hoạt, để đo trong không khí/khí thải (không thích hợp để đo trong lò luyện kim), TC loại K	 Ø 3 mm 1000 mm	-40 đến +1000 °C	Class 1 ¹⁾	4 giây	0602 5693
Đầu đo dạng nhúng/đâm xuyên kín nước, TC loại K, cấp cố định	 114 mm 50 mm Ø 5 mm Ø 3,7 mm	-60 đến +400 °C	Class 2 ¹⁾	7 giây	0602 1293
Đầu đo dạng nhúng linh hoạt, nhẹ, lý tưởng cho các phép đo với thể tích nhỏ, chẳng hạn như đĩa Petri hoặc để đo bề mặt (ví dụ: cố định bằng băng dính)	 Ø 0,25 mm 500 mm	-40 đến +1000 °C	Class 1 ¹⁾	1 giây	0602 0493
Đầu đo thực phẩm bằng thép không gỉ, kín nước (IP65), TC loại K, cấp cố định	 125 mm 30 mm Ø 4 mm Ø 3,2 mm	-60 đến +400 °C	Class 2 ¹⁾	7 giây	0602 2292
Cặp nhiệt điện (TC), linh hoạt, chiều dài 800 mm, sợi thủy tinh, TC loại K	 800 mm Ø 1,5 mm	-50 đến +400 °C	Class 2 ¹⁾	5 giây	0602 0644
Cặp nhiệt điện (TC), linh hoạt, chiều dài 1500 mm, sợi thủy tinh, TC loại K	 1500 mm Ø 1,5 mm	-50 đến +400 °C	Class 2 ¹⁾	5 giây	0602 0645
Cặp nhiệt điện (TC), linh hoạt, dài 1500 mm, PTFE, TC Loại K	 1500 mm Ø 1,5 mm	-50 đến +250 °C	Class 2 ¹⁾	5 giây	0602 0646
Quả cầu nhiệt Ø 150 mm, TC loại K, để đo nhiệt bức xạ		0 đến +120 °C	Class 1 ¹⁾		0602 0743

¹⁾Theo tiêu chuẩn EN 60584-1, độ chính xác của Class 1: từ -40 đến +1000 °C (Loại K), của Class 2: từ -40 đến +1200 °C (Loại K) và Class 3: từ -200 đến +40 °C (Loại K). Một đầu đo chỉ tuân thủ một cấp chính xác.

Thông tin về phép đo bề mặt:

- Thời gian đáp ứng quy định t_{99} được đo trên các tấm thép hoặc nhôm được đánh bóng ở nhiệt độ +60 °C.
- Độ chính xác được chỉ định là độ chính xác của cảm biến.
- Độ chính xác trong ứng dụng phụ thuộc vào đặc tính bề mặt (độ nhám), vật liệu cấu tạo của đối tượng đo (khả năng hấp thụ nhiệt và truyền nhiệt) và độ chính xác của cảm biến.